

## **DANH SÁCH CÁC VĂN BẢN Ý KIẾN**

**I. Báo cáo thẩm định số 95/BC-HĐTD ngày 17/9/2022 của Hội đồng thẩm định Quy hoạch tổng thể quốc gia**

**II. Văn bản ý kiến của các Thành viên Hội đồng thẩm định**

1. Bộ Quốc phòng (Đồng chí Bộ trưởng Bộ Quốc phòng);
2. Bộ Công an;
3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
4. Bộ Tài nguyên và Môi trường;
5. Bộ Xây dựng;
6. Bộ Tài chính;
7. Bộ Giao thông vận tải;
8. Bộ Công Thương;
9. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
10. Bộ Khoa học và Công nghệ;
11. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
12. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
13. Bộ Thông tin và Truyền thông;
14. Bộ Tư pháp;
15. Bộ Nội vụ;
16. Bộ Giáo dục và Đào tạo;
17. Bộ Y tế;
18. Ủy ban Dân tộc;
19. Thanh tra Chính phủ;
20. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
21. Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội (Đồng chí Chủ tịch UBND Thành phố);
22. Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
23. Ủy ban nhân dân TP. Hải Phòng;
24. Ủy ban nhân dân TP. Cần Thơ;
25. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên (Đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh);
26. Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An;
27. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

### **III. Văn bản ý kiến của các chuyên gia phản biện quy hoạch, ủy viên Hội đồng**

1. GS. TSKH. Đặng Hùng Võ, nguyên Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;
2. GS. TS. Đào Xuân Học, nguyên Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
3. GS. TS. Lã Ngọc Khuê, nguyên Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải;
4. PGS. TS. Chu Hồi, nguyên Phó Tổng Cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, nguyên Viện trưởng Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản, Thành viên Ban Chỉ đạo Diễn đàn Đại dương toàn cầu;
5. PGS. TS. Trần Đình Thiên, nguyên Viện trưởng Viện Kinh tế Việt Nam;
6. PGS. TS. KTS. Trần Trọng Hanh, nguyên Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;
7. PGS. TS. Phạm Trung Lương, nguyên Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Du lịch, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
8. TS. Cao Viết Sinh, nguyên Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
9. TS. Dương Đình Giám, nguyên Viện trưởng Viện Chính sách công nghiệp, Bộ Công Thương;
10. TS. Đặng Kim Sơn, nguyên Viện trưởng Viện Chính sách và chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

### **IV. Văn bản ý kiến của các chuyên gia phản biện Báo cáo Đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch, ủy viên Hội đồng**

1. GS. TS. Hoàng Xuân Cơ, Ủy viên Thường vụ Trung ương Hội Kinh tế Môi trường, Ủy viên Hội đồng Biên tập Tạp chí Kinh tế Môi trường;
2. PGS. TS. Vũ Thanh Ca, Đại học Tài nguyên và Môi trường;
3. PGS. TS. Vũ Hoàng Hoa, Đại học Thủy lợi;
4. TS. Hoàng Văn Thắng, nguyên Viện trưởng Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội;
5. TS. Phạm Khang, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Bảo vệ thiên nhiên và môi trường Việt Nam, nguyên Phó Vụ trưởng, Vụ Thẩm định và đánh giá tác động môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường;

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN NHẬN XÉT**

**Về báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của  
Quy hoạch tổng thể Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050  
CỦA ỦY VIÊN PHẢN BIỆN**

**1. Họ và tên người nhận xét:** Hoàng Xuân Cơ

Số điện thoại: 0913594443; Địa chỉ email: hxuanco@gmail.com

**2. Học hàm, học vị, chức vụ công tác:** GS.TS., Tổng Thư ký TW Hội Kinh tế Môi trường Việt Nam, Ủy viên chuyên trách Hội đồng Biên tập Tạp chí Kinh tế Môi trường.

**3. Đơn vị công tác:** Hội Kinh tế Môi trường, Tầng 3, Cung Trí thức Thành phố, Số 1 Tôn Thất Thuyết, Cầu Giấy, Hà Nội. ĐT: 024 321 911 88.

**4. Tên quy hoạch:** Quy hoạch tổng thể Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Chúng tôi nhận được Bộ tài liệu gồm:

- Báo cáo Tổng hợp Quy hoạch tổng thể Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (644 trang A4) do Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan lập quy hoạch.
- Báo cáo tóm tắt Quy hoạch tổng thể Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (136 trang A4).
- Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của nhiều Tổ chức, Bộ, Ban, Ngành, các địa phương cho Quy hoạch tổng thể Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Hệ thống sơ đồ, bản đồ với 18 bản đồ in màu khổ A3.
- Báo cáo Đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch tổng thể Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (470 trang A4) do Nhóm tư vấn Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập bao gồm cả các văn bản góp ý, đánh giá của UBND một số tỉnh, thành phố.
- Tờ trình Thẩm định Quy hoạch tổng thể Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Sau khi đọc kỹ bản chính thức Báo cáo Đánh giá môi trường chiến lược Quy hoạch tổng thể Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và tham khảo báo cáo Tổng hợp QH chúng tôi có một số nhận xét (theo mẫu) sau:

## 5. Nhận xét nội dung báo cáo đánh giá môi trường chiến lược

| TT  | Nội dung thẩm định                                                                                                                                                                                                                                      | Đánh giá theo 3 mức độ: (1) Đạt yêu cầu; (2) Có thể chấp nhận được; (3) Không đạt yêu cầu | Yêu cầu chi tiết phải chỉnh sửa, bổ sung<br>(Ghi rõ là “ <i>Không có ý kiến</i> ” trong trường hợp không có ý kiến) |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Về cơ sở pháp lý được sử dụng để lập quy hoạch và thực hiện đánh giá môi trường chiến lược                                                                                                                                                              | Đạt yêu cầu                                                                               | Không có ý kiến                                                                                                     |
| 2   | Các phương pháp được sử dụng thực hiện đánh giá môi trường chiến lược (Bao gồm phương pháp sử dụng và cách sử dụng)                                                                                                                                     | Có thể chấp nhận                                                                          | Như chỉ ra trong mục 8.2 cũng về các phương pháp ở phía dưới                                                        |
| 3   | Các quan điểm, mục tiêu, chủ trương, giải pháp về bảo vệ môi trường liên quan đến quy hoạch nêu trong báo cáo đánh giá môi trường chiến lược                                                                                                            | Đạt yêu cầu                                                                               | Không có ý kiến                                                                                                     |
| 3.1 | Quan điểm, mục tiêu, chủ trương                                                                                                                                                                                                                         | Đạt yêu cầu                                                                               | Không có ý kiến                                                                                                     |
| 3.2 | Giải pháp về bảo vệ môi trường                                                                                                                                                                                                                          | Có thể chấp nhận                                                                          | Làm rõ hơn tính khả thi của từng giải pháp                                                                          |
| 4   | Các vấn đề môi trường chính đã được dự báo, nhận dạng khi triển khai thực hiện quy hoạch (suy giảm chất lượng môi trường đất, nước, không khí; phát sinh chất thải rắn; thu hẹp không gian, thay đổi cấu trúc, chức năng của cảnh quan thiên nhiên; thu | Có thể chấp nhận                                                                          | Cố gắng nêu minh chứng cụ thể hơn để lựa chọn các vấn đề môi trường chính .                                         |

| TT | Nội dung thẩm định                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Đánh giá theo 3 mức độ: (1) Đạt yêu cầu; (2) Có thể chấp nhận được; (3) Không đạt yêu cầu | Yêu cầu chi tiết phải chỉnh sửa, bổ sung<br>(Ghi rõ là “Không có ý kiến” trong trường hợp không có ý kiến)                                                                                                                     |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | hẹp diện tích, thay đổi cấu trúc, chức năng, dịch vụ của các hệ sinh thái tự nhiên; thu hẹp sinh cảnh, suy giảm số lượng các loài nguy cấp, quý hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ (nếu có); ...)                                                                                                                                                         |                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                |
| 5  | Các đánh giá, dự báo xu hướng tích cực và tiêu cực của các vấn đề môi trường chính (chất lượng môi trường đất, nước, không khí; không gian, cấu trúc, chức năng của cảnh thiên nhiên; diện tích, cấu trúc, chức năng, dịch vụ của các hệ sinh thái tự nhiên; sinh cảnh, số lượng các loài nguy cấp, quý hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ; (nếu có) ...) | Có thể chấp nhận                                                                          | Cần viết rõ hơn khả năng, mức độ thay đổi, xu hướng diễn biến các vấn đề môi trường. Cố gắng nêu được minh chứng có tính định lượng và khả năng nhận biết sớm các xu thế này. Chỉnh sửa một số giá trị tính toán chưa phù hợp. |
| 6  | Các đánh giá, dự báo xu hướng tác động của biến đổi khí hậu trong việc thực hiện quy hoạch                                                                                                                                                                                                                                                            | Đạt yêu cầu                                                                               | Không có ý kiến                                                                                                                                                                                                                |
| 7  | Các giải pháp duy trì xu hướng tích cực, phòng ngừa, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính khi thực hiện Quy hoạch.                                                                                                                                                                                                            | Có thể chấp nhận                                                                          | Viết nổi bật hơn từng giải pháp và khả năng thực thi.                                                                                                                                                                          |

| TT  | Nội dung thẩm định                                                                                                                                                              | Đánh giá theo 3 mức độ: (1) Đạt yêu cầu; (2) Có thể chấp nhận được; (3) Không đạt yêu cầu | Yêu cầu chi tiết phải chỉnh sửa, bổ sung<br>(Ghi rõ là “ <i>Không có ý kiến</i> ” trong trường hợp không có ý kiến)                                                                                                                                                                                    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 8   | Các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của quy hoạch được đề xuất bổ sung, điều chỉnh; các vấn đề môi trường đã được nhận diện nhưng chưa được điều chỉnh trong quy hoạch | Có thể chấp nhận                                                                          | Đây là phần có chất lượng tốt, Nhóm thực hiện ĐMC đã mạnh dạn đề xuất bổ sung về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của quy hoạch, đặc biệt nêu lên cả các vấn đề môi trường đã được nhận diện nhưng chưa được điều chỉnh trong quy hoạch. Tuy nhiên, cần phân tích thêm luận cứ đưa ra đề xuất. |
| 8.1 | Các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của quy hoạch được đề xuất bổ sung, điều chỉnh                                                                                     | Có thể chấp nhận                                                                          | Nêu và phân tích rõ hơn nguyên nhân đưa ra các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của quy hoạch được đề xuất bổ sung, điều chỉnh                                                                                                                                                                 |
| 8.2 | Các vấn đề môi trường đã được nhận diện nhưng chưa được điều chỉnh trong quy hoạch                                                                                              | Có thể chấp nhận                                                                          | Phân tích rõ hơn tại sao các vấn đề môi trường đã được nhận diện nhưng chưa được điều chỉnh trong quy hoạch.                                                                                                                                                                                           |
| 9   | Những vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu, phân tích trong quá trình thực hiện chiến lược, quy hoạch                                                                            | Có thể chấp nhận                                                                          | Phân tích rõ hơn về vấn đề kiểm kê phát thải, đánh giá CLMT, quản lý môi trường khi QH được thực hiện                                                                                                                                                                                                  |
| 10  | Tham vấn                                                                                                                                                                        | Đạt yêu cầu                                                                               | Không có ý kiến                                                                                                                                                                                                                                                                                        |

## **6. Nhận xét về hình thức báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (nhận xét ngắn gọn theo trình tự các chương, mục của báo cáo):**

Về cấu trúc, báo cáo ĐMC Quy hoạch Tổng thể Quốc gia đã bám sát các nội dung quy định mới nhất trong Mẫu 01b. *Nội dung báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch* ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ TN&MT (gọi tắt là TT 2022).

Độ dài các chương mục hợp lý, tuy nhiên nếu có thể viết gọn hơn, lựa chọn thật kỹ những ý, những vấn đề cần trình bày thì có thể viết ngắn lại. Với độ dày trên 400 trang cần có thêm báo cáo tóm tắt trong vòng 50 trang hoặc ít hơn.

Một số bản đồ trong tập sơ đồ, bản đồ Quy hoạch chưa được phân tích sử dụng nhiều, bản đồ riêng cho phần ĐMC hầu như không có. Theo chúng tôi cần có thêm thuyết minh về tập bản đồ.

Phần kết luận đã nêu được những gì ĐMC đã làm được. Đây như là tóm tắt của báo cáo ĐMC nên nhiều vấn đề người đọc rất quan tâm. Nhiều nội dung đã được trình bày cụ thể, chi tiết, dài ở trên đã được tóm tắt vào trong kết luận.

## **7. Những vấn đề cần lưu ý khi báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược:**

### **7.1. Các nội dung của dự thảo quy hoạch đề xuất được điều chỉnh:**

Trong chương IV mẫu báo cáo quy định ở TT 2019 có mục liên quan đến nội dung này nhưng trong mẫu báo cáo quy định ở TT 2022 lại không có nên người nhận xét không đủ tài liệu để có nhận xét cụ thể. Tuy nhiên có thể trích rút từ mục 1 phần III của kết luận để thấy một số đề xuất, kiến nghị từ kết quả ĐMC để điều chỉnh các nội dung quy hoạch. Với 07 kiến nghị, nhóm thực hiện ĐMC đã bám sát yêu cầu bổ sung những hạn chế trong QH, các kiến nghị đều rất cụ thể, có tính khả thi cao. Trong mục 3.2 (trang 453) đã nêu các nội dung QH đã được điều chỉnh theo các kiến nghị của ĐMC, điều đó chứng tỏ vai trò của ĐMC trong quá trình lập QH, lồng ghép yêu cầu BVMT trong QH và mối liên hệ chặt giữa Nhóm thực hiện Quy hoạch và Nhóm lập ĐMC.

Mục 3.3. (trang 454) nêu các vấn đề còn chưa có sự thống nhất giữa yêu cầu phát triển và BVMT cũng như mục 4. nêu những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong quá trình thực hiện QH thể hiện tâm huyết của những người thực hiện ĐMC, nêu được những vấn đề khá cấp bách, cần thực hiện để công tác BVMT trong giai đoạn thực hiện QH hiệu quả hơn.

### **7.2. Các yêu cầu, nội dung bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai quy hoạch:**

Nội dung này cũng không có trong một mục nào có tiêu đề tương tự nên cũng khó đánh giá. Trong chương IV của ĐMC QH Tổng thể Quốc gia có mục 4.2 (trang 411): *Định hướng về bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện Quy hoạch* có đề cập đến Định hướng áp dụng các công cụ quản lý môi trường của Quy hoạch; Định hướng phân vùng môi trường và Định hướng thực hiện đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư được đề xuất trong Quy hoạch.

Chúng tôi nhận thấy định hướng phân vùng là đúng nhưng không hiểu thực hiện phân vùng có nằm trong số các nhiệm vụ của ĐMC không?. Nhóm soạn thảo QH Tổng thể Quốc gia đã có *Bản đồ hiện trạng phân vùng* chỉ rõ ranh giới các vùng kinh tế trọng điểm và 6 vùng kinh tế xã hội; *Bản đồ định hướng phân vùng và kinh tế vùng*, có dự kiến thêm vùng động lực; *Bản đồ định hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn quốc*

gia; *Bản đồ định hướng BVMT quốc gia* và một số bản đồ chỉ ra phân bố các lĩnh vực kinh tế trên quy mô quốc gia. Vì vậy, rất cần có một bản đồ phân vùng môi trường tích hợp các yếu tố đã có trong các bản đồ định hướng đã có. Trong báo cáo ĐMC chưa thể đưa ra bản đồ này nhưng nên có kiến nghị xây dựng bản đồ quốc gia phân vùng môi trường và thời gian hoàn thành. Có thể kiến nghị ngay trong mục 4.3.2 trang 413, mục này viết chưa tốt lắm.

Định hướng đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư được đề xuất trong Quy hoạch theo các vấn đề môi trường cần quan tâm là hợp lý. Tuy nhiên các dự án đầu tư trong bảng 4.2 trang 413 chưa liệt kê hết các lĩnh vực.

### 7.3. Kiến nghị về việc phê duyệt quy hoạch:

QH tổng thể Quốc gia được xây dựng công phu, với báo cáo chính có dung lượng đồ sộ, tới 644 trang A4. Vì vậy, ít có người đọc có thể đọc hiểu toàn bộ nội dung. Việc có thêm báo cáo tóm tắt 136 trang đã giúp thu hút nhiều người đọc hơn và dễ phổ biến hơn.

Theo chúng tôi, mặc dù báo cáo QH Tổng thể Quốc gia và báo cáo ĐMC QH Tổng thể Quốc gia chưa thật sự làm rõ tất cả nguồn lực (vốn tự nhiên, vốn sản xuất, vốn con người,...) có thể huy động để thực hiện cũng như giá trị dự báo định lượng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ nhưng nhìn vào mức độ tăng trưởng các ngành, nhìn vào loại hình sản xuất có thể thấy áp lực đến môi trường khi thực hiện QH không ở mức nghiêm trọng. Hơn nữa, với những đề xuất giải pháp giảm thiểu phát thải, giảm thiểu tác động có hại đi cùng với phát triển Khoa học - Công nghệ thời đại 4.0 và cố gắng của lãnh đạo Đảng, Nhà nước thì những tác động xấu (nếu phát sinh) sẽ được nhận biết, xử lý kịp thời.

Vì vậy, chúng tôi đề nghị cho phê duyệt QH Tổng thể Quốc gia, sớm đưa QH này vào thực hiện để sớm đưa Việt Nam thành một trong những quốc gia giàu mạnh, văn minh như mục tiêu đề ra của Đại hội Đảng lần thứ XIII.

## 8. Những nhận xét khác

### 8.1. Nhận xét chung

- Bản báo cáo ĐMC QH Tổng thể Quốc gia được soạn thảo công phu, nội dung đầy đủ, cơ bản làm rõ được khả năng tác động khi thực hiện các hạng mục QH đến môi trường, cả môi trường tự nhiên và môi trường xã hội, chỉ ra xu hướng thay đổi về môi trường trong giai đoạn thực hiện QH (2021-2030, tầm nhìn đến 2050). Báo cáo ĐMC cũng đã đưa ra góp ý để hoàn thiện bản QH, đặc biệt chỉ rõ nhiều vấn đề cần tiếp tục thực hiện khi QH đi vào thực hiện.
- Chúng tôi biết rằng, Nhóm soạn thảo ĐMC QH Tổng thể Quốc gia có một thuận lợi lớn, đó là, đã có một số chiến lược, quy hoạch của một số ngành, một số địa phương và nhiều văn bản chính thống liên quan tới tình hình phát triển và BVMT của cả nước. Nhóm lập ĐMC đã tiếp thu tốt những quan điểm, mục tiêu, nội dung đã nêu trong các văn bản này và áp dụng trong nhiều phần của báo cáo ĐMC này. Ngoài ra, Nhóm lập ĐMC còn tham khảo được nhiều kết quả nghiên cứu của các đề tài nghiên cứu và các tài liệu khoa học đã được công bố có liên quan. Tuy nhiên, do có nhiều tài liệu nên Nhóm nghiên cứu ĐMC đã phải tốn nhiều công sức đọc, xử lý, lựa chọn những gì hợp lý để áp dụng và cũng không tránh khỏi sử dụng cả số liệu chưa hợp lý, thậm chí sai, cần phải chỉnh sửa.
- Bản thảo QH Tổng thể Quốc gia đã nhận được văn bản, nhận xét của nhiều tổ chức Đảng, tổ chức xã hội, các Bộ, ngành của Chính phủ nhưng lại thiếu văn bản nhận xét của Bộ TM&MT. Đây cũng là văn bản rất quan trọng đối với soạn thảo

ĐMC nên cần bổ sung. Tôi có nghe đại diện Bộ TN&MT góp ý trong hội thảo lấy ý kiến chuyên gia, bộ, ngành nhưng vẫn cần bản chính thức để nâng cao giá trị. Nếu đã có văn bản này thì xin công khai trong buổi thẩm định ĐMC chính thức.

### 8.2. Về phương pháp áp dụng trong đánh giá môi trường chiến lược: *trong đó lưu ý đến tính thích hợp, mức độ đầy đủ của các phương pháp đã áp dụng*

Trong báo cáo ĐMC QH Tổng thể Quốc gia đã trình bày 10 phương pháp được áp dụng để thực hiện nhưng nhìn chung vẫn còn mang tính liệt kê, thiếu phân tích chi tiết nội dung và phân áp dụng cụ thể trong báo cáo. Phần này cần viết lại rõ hơn, chỉ ra được nội hàm các phương pháp, chúng giải quyết được vấn đề gì?, đã được áp dụng ở đâu? và làm rõ được nội dung gì trong ĐMC này. Chẳng hạn, khi nói đến phương pháp chuyên gia cần chỉ rõ danh sách chuyên gia, bộ câu hỏi, cách xử lý số liệu thu được và nhận xét kết quả để đưa ra thông điệp hợp lý.

Phương pháp kiểm kê nhanh nguồn thải phải đánh giá tính phù hợp của các hệ số phát thải, nếu không sẽ cho con số ước tính không sát thực tế. Ví dụ, hệ số phát thải  $\text{SO}_2$  từ các khu công nghiệp từ ENTECH cần xem xét lại, không thể quá cao như thế (hệ số này chỉ đúng với một số KCN cụ thể, không thể lấy chung cho mọi KCN được). Vì sử dụng hệ số này nên lượng  $\text{SO}_2$  phát sinh từ các KCN năm 2030 rất lớn (bảng 3.15 trang 241) lên tới 9,8 triệu tấn/năm (chú ý giá trị trong bảng tổng hợp, bảng 3.44 trang 312, có sự nhầm lẫn giữa  $\text{SO}_2$  và  $\text{NO}_x$  thì phải). Chúng tôi đã có bài viết, đăng tải nhận xét về hệ số phát thải này và khuyến nghị không áp dụng rộng rãi.

Trong phương pháp ma trận, cần có cách xác định mức tác động và xử lý hợp lý mới cho kết quả mong muốn. Chẳng hạn, trong bảng 3.44 trang 314, việc lấy điểm trung bình không thật sự hợp lý, theo chúng tôi lấy tổng điểm tác động tích cực và tổng điểm tác động tiêu cực sẽ phù hợp hơn và khi đó mức thay đổi tác động (điểm) tích lũy sẽ rõ hơn.

### 8.3. Về thông tin, số liệu làm cơ sở cho đánh giá môi trường chiến lược: *trong đó lưu ý đến mức độ đầy đủ, chi tiết, chính xác của các thông tin, số liệu có liên quan đến nội dung của quy hoạch, hiện trạng môi trường và các điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội có liên quan*

Có thể thấy rõ mặt hạn chế đối với số liệu, tài liệu có sẵn về thông tin, số liệu làm cơ sở cho đánh giá môi trường chiến lược. Số liệu về tài nguyên và CLMT còn thiếu, chưa đủ để có thể đánh giá đúng hiện trạng và làm đầu vào dự báo xu thế diễn biến các yếu tố liên quan tới tài nguyên và CLMT. Chẳng hạn chúng ta chưa tính được các giá trị tài nguyên (thiên nhiên, lao động, sản xuất), chưa có nhiều trạm quan trắc cố định, liên tục các yếu tố CLMT (đất, nước, không khí,...) nên khi đánh giá, dự báo còn nghiêng về định tính hoặc sử dụng số liệu có độ tin cậy thấp. Đây là điều cần được làm rõ trong cả QH Tổng thể Quốc gia và ĐMC QH Tổng thể Quốc gia để đặt ra kế hoạch xây dựng hệ thống quan trắc, đánh giá phù hợp hơn, tốt hơn trong tương lai.

Theo chúng tôi, cần đưa thêm mục tiêu cụ thể về vấn đề số liệu trong tương lai. Xin đề xuất một vài mục tiêu sau:

- Đến cuối năm 2025 phải hoàn thành kiểm kê chất thải (cả rắn, khí, nước,...) và xây dựng được cơ sở dữ liệu nguồn thải, mức thải chất ô nhiễm ở quy mô quốc gia.
- Đến cuối năm 2025 phải hoàn thành lắp đặt và vận hành hệ thống quan trắc môi trường (cả môi trường khí, nước, đất,...) và xây dựng được cơ sở dữ liệu đủ để làm rõ chất lượng và xu thế môi trường quy mô quốc gia.

- Đến cuối năm 2025 phải hoàn thành kiểm kê các thành phần tiến tới tính mức phát thải ròng khí nhà kính và xây dựng được cơ sở dữ liệu mức phát thải ròng quy mô quốc gia.
- Đến cuối năm 2025 phải có phương pháp dự toán kinh phí thực hiện công tác BVMT để áp dụng cho từng năm tài chính giai đoạn sau đó.

8.4. Về mức độ thỏa đáng của các đánh giá, kết luận nêu trong báo cáo:

Đây là báo cáo có mức độ thỏa đáng của các đánh giá, kết luận vào loại tốt, tuy nhiên vẫn cần rà soát thêm theo góp ý của Hội đồng thẩm định.

**9. Kết luận:** *nêu rõ 01 trong 03 mức độ: thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung; thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung; không thông qua*

Qua các đánh giá ở trên, chúng tôi xin kết luận về ĐMC QH Tổng thể Quốc gia ở mức độ: **Thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung.**

*Hà Nội ngày 19 tháng 8 năm 2020.*

**NGƯỜI VIẾT NHẬN XÉT**

*(ký, ghi rõ họ tên)*

**HOÀNG XUÂN CƠ**

**Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN NHẬN XÉT PHẢN BIỆN BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG  
CHIẾN LƯỢC QUY HOẠCH TỔNG THỂ QUỐC GIA THỜI KỲ 2021-  
2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

Tên dự án: Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Người nhận xét: PGS.TS Vũ Thanh Ca

Đơn vị: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

**I. Nhận xét chung**

Báo cáo được viết nghiêm túc với nhiều tài liệu, số liệu tin cậy, trình bày đẹp, khoa học. Các phương pháp được sử dụng để xây dựng Báo cáo tuân thủ đúng các quy định pháp luật. Báo cáo đã tiếp thu tốt những ý kiến góp ý tại các Hội thảo liên quan tới Báo cáo. Nội dung Báo cáo đầy đủ, đã đánh giá tốt những tác động môi trường mà Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tạo ra, đồng thời đã đề xuất được một số giải pháp phù hợp nhằm bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển bền vững kinh tế - xã hội cả nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đặc biệt, Báo cáo đã khuyến cáo được một số chỉ tiêu trong Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 không khả thi và đề xuất các chỉ tiêu phù hợp hơn.

Đề nghị Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tiếp thu các khuyến nghị của Báo cáo để chỉnh sửa cho phù hợp.

Tuy nhiên, Báo cáo còn một số lỗi cần được xem xét, chỉnh sửa để trình Chính phủ xem xét, phê duyệt, làm cơ sở để trình Quốc hội phê duyệt Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Các nhận xét chi tiết khác được trình bày trong phần dưới đây để hướng dẫn chỉnh sửa Báo cáo.

**II. Nhận xét chi tiết**

- 1) Tất cả các số liệu trong Báo cáo cần được dẫn nguồn đầy đủ.
- 2) Còn một số lỗi trong Danh mục hình;
- 3) Cần giải thích khái niệm “du lịch MICE”;

4) Không sử dụng từ “lãnh hải” để chỉ vùng biển Việt Nam. Cần sử dụng đúng các khái niệm liên quan tới vùng biển Việt Nam quy định trong Luật biển Việt Nam;

5) Hình 2.11 trang 98 không thể hiện được xu thế biến động của ô nhiễm không khí vì ô nhiễm không khí thay đổi theo từng năm không chỉ phụ thuộc vào nguồn thải mà còn phụ thuộc vào điều kiện thời tiết. Do điều kiện thời tiết biến đổi ngẫu nhiên theo các năm khác nhau, để đánh giá xu thế thay đổi của thời tiết theo các năm, cần sử dụng số liệu ô nhiễm môi trường không khí trung bình năm hoặc trung bình theo các tháng trong năm trong nhiều năm để xác lập đường xu thế trong nhiều năm, đánh giá mức độ tin cậy thống kê của các đường xu thế đó theo đúng các quy định về tính toán thống kê;

6) Đánh giá diễn biến ô nhiễm môi trường không khí do các hoạt động công nghiệp gây ra tại miền Bắc tại trang 101 cần nhấn mạnh tới các điều kiện thời tiết. Cần chú ý một thực tế là ô nhiễm môi trường không khí xảy ra ở miền Bắc chủ yếu xảy ra vào mùa Đông và các thời điểm giao mùa kèm điều kiện gió lạnh và nghịch nhiệt. Về mùa hè hoặc khi có gió mạnh (trong các đợt gió mùa Đông Bắc vào mùa Đông, mùa Xuân hoặc cuối Thu), không khí ở miền Bắc nói chung rất sạch;

7) Tại trang 102, khi đánh giá chất lượng môi trường không khí tại vùng nông thôn, cần chú ý là vào mùa Đông, khi lạnh gió kèm theo nghịch nhiệt, hầu như tất cả khu vực đồng bằng và Trung du Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ chất lượng môi trường không khí đều không tốt;

8) Các số liệu hệ sinh thái biển tại các trang 107, 108 cần dẫn nguồn;

9) Tại trang 108, cần chú ý là tất cả các hệ sinh thái biển của ta, bao gồm cả các hệ sinh thái quan trọng như rừng ngập mặn, rạn san hô, thảm cỏ biển đang bị suy thoái khá nghiêm trọng chứ không phải “đứng trước nguy cơ suy thoái”. Các nguyên nhân gây suy thoái hệ sinh thái cỏ biển là do hoạt động của con người như đánh bắt quá mức làm mất cân bằng sinh thái, lấn biển, khai thác cát đáy biển, ô nhiễm môi trường v.v.

10) Tại trang 115 đổi “các thời điểm giao mùa” thành “mùa Đông và các thời điểm giao mùa từ mùa Thu sang Đông, từ Đông sang Xuân”;

11) Trong Bảng 3.2 trang 160 cần bổ sung tác hại của thủy điện là ngăn chặn bùn cát vận chuyển tới hạ nguồn sông và ra biển, dẫn tới xói lở bờ sông, bờ biển, gây suy thoái, thậm chí phá hủy hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển do xói lở bờ biển;

12) Cùng trong Bảng 3.2 trang 161, bổ sung tác hại của điện gió là gây tiếng ồn, nhất là tiếng ồn hạ âm, ảnh hưởng tới sức khỏe người dân và tác động xấu tới các hệ sinh thái. Cánh quạt gió còn làm chết chim di cư;

13) Cùng trong Bảng 3.2 trang 168, bổ sung tác hại của trồng trọt và chăn nuôi là gây phát thải khí  $N_2O$ , một loại khí nhà kính có khả năng làm nóng trái đất mạnh hơn  $CO_2$  tới 265 lần. Ngoài ra, hai hoạt động này cũng gây phát thải khí  $CO_2$ ;

14) Tại trang 172 nên đổi “11. Tác động biến đổi khí hậu” thành “11. Phát thải khí nhà kính, làm gia tăng tốc độ biến đổi khí hậu”;

15) Bảng 3.3 trang 178, đề nghị đổi “các hệ sinh thái rạn san hô, đất ngập nước cũng có dấu hiệu suy giảm” thành “các hệ sinh thái rạn san hô, thảm cỏ biển, rừng ngập mặn và đất ngập nước khác đang bị suy thoái”;

16) Kết quả đánh giá về mức độ thải rác thải nhựa ra biển của Việt Nam do Jambeck và nnk (2015) thực hiện dựa trên các số liệu sai là ở Việt Nam có tới 85% chất thải rắn được quản lý yếu kém. Các tổ chức quốc tế toàn cầu và khu vực đã dựa vào số liệu này để cho rằng Việt Nam là nước đứng thứ 4 thế giới về thải rác thải nhựa ra biển. Trong thực tế, các số liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường trong Báo cáo Hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2020 và các báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia khác (thí dụ Báo cáo Hiện trạng môi trường quốc gia năm 2019) đều cho thấy tỷ lệ chất thải rắn của Việt Nam được thu gom và xử lý tốt cao hơn rất nhiều. Vì vậy, đề nghị bỏ thông tin tại trang 198 rằng theo WWF, Việt Nam là quốc gia đứng thứ tư trong số năm quốc gia thải nhiều rác thải nhựa ra biển nhất thế giới;

17) Tại trang 278, cần sửa lại đoạn “Nếu không được xử lý CTR sinh hoạt đúng nơi quy định sẽ là nguồn phát sinh ô nhiễm môi trường nước, môi trường đất mà còn gây ô nhiễm mùi, dễ lây lan dịch bệnh” thành “Nếu CTR sinh hoạt không được thu gom, vận chuyển và xử lý đúng phương pháp thì sẽ là nguồn phát sinh ô nhiễm môi trường nước, môi trường đất, ô nhiễm môi trường không khí, dễ lây lan dịch bệnh và phát thải khí nhà kính”;

18) Tại trang 290, con số 300 tấn rác phát sinh mỗi ngày tại Phú Quốc là chưa chính xác. Theo Báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang năm 2019, con số rác thải phát sinh hàng ngày tại Phú Quốc chỉ là 155 tấn;

19) Tại trang 326 cần nhấn mạnh một thực tế là các địa phương tại khu vực đồng bằng và trung du Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ do không có quỹ đất để chôn lấp rác thải nên đốt CTR sinh hoạt bằng các lò đốt không có thiết bị lọc bụi, thậm chí lò đốt chưa đạt chuẩn, chưa được vận hành đúng quy định, gây ô nhiễm môi trường không khí khá nghiêm trọng;

20) Tại trang 329 cần bổ sung tác hại của các đập thủy điện trên sông Mekong là làm ngăn chặn bùn cát vận chuyển tới hạ nguồn sông và ra biển, dẫn tới xói lở bờ sông, bờ biển, gây suy thoái, thậm chí phá hủy hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển vùng Đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam;

21) Bảng 3.47, trang 338 cần thảo luận về mặt có lợi của phát triển kinh tế tới đa dạng sinh học là sẽ tạo nhiều công ăn việc làm, giúp chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tạo ra quá trình di dân tự nhiên, giảm áp lực khai thác tài nguyên sinh vật và đa dạng sinh học, cung cấp kinh phí để thực hiện tốt hơn việc bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học;

### **III. Kết luận**

Báo cáo đã tiếp thu các ý kiến góp ý và được hoàn thiện tốt. Tuy vậy, Báo cáo còn một số lỗi nhỏ cần được chỉnh sửa theo các ý kiến góp ý và kết luận của Hội đồng để hoàn thành Báo cáo cuối cùng trình phê duyệt.

Hà Nội ngày 24 tháng 08 năm 2022

Người viết nhận xét



**Vũ Thanh Ca**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**BẢN NHẬN XÉT**  
**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC**  
**CỦA ỦY VIÊN PHẢN BIỆN**

1. Họ và tên người nhận xét: Vũ Hoàng Hoa
2. Học hàm, học vị, chức vụ công tác: PGS.TS.GVCC
3. Nơi công tác:
  - Đơn vị công tác: Khoa Hóa và Môi trường Trường Đại học Thủy lợi
  - Địa chỉ: 175 Tây Sơn – Đống Đa – Hà nội
  - Mobile 0918355497;
  - Email: [hoanghoavu@yahoo.com](mailto:hoanghoavu@yahoo.com)
4. Chức danh trong Hội đồng:
5. Tên Chiến lược, quy hoạch: **Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**
6. Nhận xét về nội dung báo cáo đánh giá môi trường chiến lược:
  - 6.1 Những nội dung đạt được đối với báo cáo ĐMC của Quy hoạch:
    - Cấu trúc của báo cáo ĐMC tuân thủ theo quy định tại mẫu 01b Phụ lục II Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).
    - Báo cáo đã đưa ra được sự cần thiết của nhiệm vụ xây dựng Quy hoạch, các văn bản quy phạm pháp luật làm cơ sở để thực hiện nhiệm vụ.
    - Báo cáo đã trình bày phạm vi không gian và thời gian thực hiện ĐMC của Quy hoạch, phân tích mối liên hệ qua lại của các quy hoạch không gian, định hướng phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu bảo vệ môi trường quốc gia.
    - Đã có mô tả quá trình thực hiện ĐMC phù hợp thời gian thực hiện các bước.
  - 6.2. Những nội dung cần bổ sung làm rõ, chỉnh sửa, hoàn thiện:
    - 6.2.1 PHẦN MỞ ĐẦU
      - (i) 2.1 Về căn cứ pháp luật được sử dụng để thực hiện đánh giá môi trường chiến lược:
        - Các văn bản được sử dụng là phù hợp. Tuy nhiên cần lưu ý viết ngắn gọn hơn phần mô tả luật MT, nghị định, thông tư t3-t5

- Chuyển Nghị quyết 143/NQ-CP của Chính phủ về phê duyệt Nhiệm vụ lập QH tổng thể QG từ mục 2.1 căn cứ pháp luật vào mục 1.2 về cơ sở pháp lý
- Văn bản hợp nhất luật Tài nguyên nước năm 2017, CL BVMTQG đến 2050, CL QLCTR đến 2050, kịch bản BDKH 2020 và hướng dẫn kỹ thuật thực hiện...
- Biên tập lại mục 2.2 (bỏ các hướng dẫn kỹ thuật cũ, thiếu mục 2.2.2) và mục 2.3 (tài liệu, dữ liệu phục vụ cho ĐMC).
- (ii) Về các phương pháp được sử dụng thực hiện đánh giá môi trường chiến lược (bao gồm phương pháp sử dụng, cách sử dụng phương pháp):
- Các phương pháp được sử dụng cơ bản là phù hợp; đã chỉ rõ từng phương pháp được sử dụng cho nội dung cụ thể trong quá trình ĐMC;
- Chưa nêu chuyên môn của các chuyên gia ĐMC

#### 6.2.2 CHƯƠNG I. TÓM TẮT NỘI DUNG QUY HOẠCH

- Bổ sung chiến lược tài nguyên Phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, bỏ một số chiến lược bị viết lặp như chiến lược QL tổng hợp CTR/chiến lược thủy lợi tầm nhìn đến 2050, chiến lược PTBV Việt Nam giai đoạn 2011-2020 (mục 1.3.1). Xem xét các QH liên quan với QH đang được đánh giá, sẽ loại bỏ hay như thế nào
- Bổ sung định hướng về diện tích rừng và đất lâm nghiệp đến 2050 (Bảng 1.3)
- Mục 1.4: Các nội dung của quy hoạch có khả năng tác động đến môi trường: Mục này quá dài 64 trang nhưng chủ yếu tóm tắt quy hoạch, nên cấu trúc/tóm tắt lại mục này nhằm làm nổi bật các nội dung của Quy hoạch có khả năng tác động đến môi trường như: phát triển công nghiệp, phát triển hệ thống đường sắt, bố trí các khu vực tập trung đông dân cư, việc chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất, chiếm dụng đất,..
- 1.4.3.5: Định hướng BVMT về phân bố và tổ chức không gian phát triển hệ thống quan trắc và cảnh báo MT quốc gia: bổ sung việc lưu trữ/công khai hóa cơ sở dữ liệu thủy văn TNN/ quan trắc MT làm cơ sở giám sát và cảnh báo phục vụ phát triển phân bố tổng thể quốc gia hài hòa và bền vững

#### 6.2.3 CHƯƠNG II. PHẠM VI ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC VÀ THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG, DI SẢN THIÊN NHIÊN CÓ KHẢ NĂNG BỊ TÁC ĐỘNG BỞI QUY HOẠCH

- Bổ sung phạm vi nội dung nghiên cứu của ĐMC (những nội dung nào được ĐMC nghiên cứu, những nội dung không cần thiết phải nghiên cứu và lý giải cụ thể)
- Các hình minh họa và nội dung thuyết minh trong mục 2.2.1.2 chưa có liên kết chặt chẽ (TSS...)
  - Nên có các bản đồ mô phỏng chất lượng môi trường đất, nước, không khí

- cho một số năm đại diện; các thông tin dữ liệu về một số chất độc hại trong môi trường không khí (nếu có).
- Bổ sung mô tả tổng quát diễn biến chất lượng thành phần môi trường nước liên quan đến hoạt động của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề và của một số ngành công nghiệp chính, tỉ lệ các KCN/cụm CN đảm bảo cơ sở hạ tầng (công trình xử lý MT) để so sánh/đánh giá số liệu hiện trạng MT. Việc đánh giá hiện trạng ô nhiễm môi trường không khí xung quanh KCN chung chung, không đề cập đến các ngành nghề sản xuất nêu nguyên nhân do gần đường lớn là chưa hợp lý (trang 101)
- Bổ sung hiện trạng sụt lún đất tại đồng bằng Bắc Bộ và Nam Bộ và khả năng ảnh hưởng đến các dự báo lũ lụt, hạn hán. Bổ sung đặc trưng về tài nguyên nước, xu thế diễn biến tài nguyên nước; hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước và nhu cầu sử dụng nước.
- Bổ sung mô tả hiện trạng cơ sở hạ tầng của các đơn vị thực hiện hoạt động thu gom, xử lý, chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt và CTNH có trong dân cư để thấy nguyên nhân của việc CTRSH/CTNH không được phân loại tại nguồn trước thu gom, từ đó xem xét sửa đổi mục tiêu cụ thể, giải pháp trong thu gom xử lý CTR tại nguồn, đảm bảo được mục tiêu đề ra. Bổ sung các thông tin về tai biến thiên nhiên và tác động thứ cấp đến môi trường, cộng đồng dân cư, hạ tầng kỹ thuật (ví dụ như hạn hán, xâm nhập mặn, sụt lún, sạt lở đất; các hiện tượng thời tiết bất lợi gió xoáy, giông lốc, mưa đá theo các khu vực/vùng).
- Bổ sung mô tả về dân số: không đồng đều về mật độ dân số, mức sống, tỷ lệ hộ nghèo thuộc khu vực vì sự khác nhau của các khu vực dẫn tới có khả năng chịu tác động (tiêu cực/tích cực) bởi Quy hoạch là khác nhau

### CHƯƠNG III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA QUY HOẠCH ĐẾN MÔI TRƯỜNG

- 3.1. Đánh giá sự phù hợp của quan điểm, mục tiêu Quy hoạch với quan điểm, mục tiêu, chính sách về bảo vệ môi trường
- 3.1.1. Đã liệt kê tương đối đầy đủ và phù hợp các quan điểm, mục tiêu, chính sách về bảo vệ môi trường
- 3.1.2. Các đánh giá sự phù hợp của quan điểm, mục tiêu Quy hoạch với quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường trong các chính sách đã liệt kê tương đối phù hợp, nên chú ý hơn vào Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050... Cần rà soát bổ sung vì con số đưa ra chưa thống nhất: tỉ lệ sử dụng nước sạch hợp vệ sinh nông thôn và thành phố (70%? 100%?), tỉ lệ CTR sinh hoạt được thu gom xử lý (90,100%) (tr141,142)
- Nên gộp các chỉ tiêu tại mục 3.1.1 vào bảng 3.1 và thể hiện rõ việc so sánh theo từng quan điểm, mục tiêu và điều/khoản/điểm của văn bản, (như đánh

giá đối với tỉ lệ xử lý nước thải đạt QCKTQG về môi trường nước trước khi thải vào lưu vực sông 70%)

### 3.2. Về xác định các vấn đề môi trường chính:

- Việc nhận diện các vấn đề môi trường chính cơ bản là phù hợp. Tuy nhiên, đôi chỗ còn chưa rõ ràng giữa vấn đề môi trường và tác động môi trường trong bảng 3.2 “Nhận diện các nguồn tác động chính và các vấn môi trường chính có thể tác động”.
- Nên thay chữ “có thể tác động” bằng chữ “cần được xem xét”.
- Có thể xem xét lồng ghép vấn đề “Cơ sở vật chất - kỹ thuật còn hạn chế” vào từng vấn đề MT chính khi đánh giá vì khi nhu cầu sử dụng hợp lý tài nguyên không ngừng tăng lên, yêu cầu về cải thiện môi trường và chống ô nhiễm môi trường ngày một lớn và phức tạp. Do đó, sự bất cập/hạn chế trong hệ thống cơ sở vật chất - kỹ thuật, cán bộ, luật pháp để giải quyết các vấn đề môi trường là một yếu tố quan trọng (VD trong thu gom xử lý CTR/CTNH, ô nhiễm MT không khí/nước) Bảng 3.2 Có thể làm rõ hơn phạm vi tác động.
- Phát triển vùng/khu công nghiệp/khai thác chế biến khoáng sản: Nên bổ sung suy giảm tài nguyên nước (TNN) vì TNN có thể bị suy giảm không chỉ chất lượng mà cả số lượng. Ô nhiễm MT đất, nước, không khí, thay đổi hệ sinh thái
- Thủy điện: Bỏ “điều tiết nước” trong tác động MT, bổ sung tác động tích lũy trong quản lý LVS
- Năng lượng: Bổ sung việc gia tăng CTNH (pin hỏng) trong TĐMT; bỏ ô nhiễm nước ngầm, sửa tác động hệ sinh thái sang thay đổi hệ sinh thái khi viết về vấn đề MT.
- Dịch vụ thương mại: mục vấn đề MT nên sửa là suy giảm chất lượng MT, thay đổi cảnh quan, ảnh hưởng văn hóa tín ngưỡng tại các vùng nhiều người dân tộc ít người
- Giao thông vận tải: cụ thể các chất gây ONMT nên chuyển sang mục TĐMT, nên làm rõ hơn tính khả thi trong 10 năm tới và Vấn đề MT xã hội ảnh hưởng đến đi lại của người dân do việc xây dựng đường sắt tốc độ cao cắt ngang đường giao thông bộ. Việc gia tăng nóng lên toàn cầu do phát triển đường sắt cần xem xét lại
- Phát triển giao thông thủy/cảng: Bổ sung tác động nạo vét dẫn tới thay đổi hình thái cửa sông, chế độ vận chuyển bùn cát do nạo vét ở vị trí này có thể gây xói lở/bồi lắng ở các khu vực khác, Trồng trọt: vấn đề MT cần bổ sung thay đổi diện tích/ loại rừng, sụt lún đất trong vấn đề MT, xói lở đất dốc trong tác động MT. Cải tạo đất phèn mặn là tác động có ích? Không phải tác động tiêu cực
- Chăn nuôi: Góp phần gia tăng khí nhà kính, có thể chưa đến mức BĐKH

- Thủy sản: tác động MT và vấn đề MT đối nghịch nhau (về mở rộng hay suy giảm rừng ngập mặn), bổ sung tổn thất nguồn lợi thủy sản do việc đánh bắt không hợp lý...
- Bổ sung việc thu gom/tái chế/xử lý CTRNH và CTRCN vào vấn đề MT2.
- MT3: bổ sung nội dung liên quan đến suy giảm tài nguyên nước về số lượng (hiện mới chủ yếu phân tích về ô nhiễm nước)
- MT4: Nếu có thể bổ sung đánh giá về phương thức khai thác bừa bãi không kiểm soát, vượt quá khả năng tự nhiên được dẫn tới giảm các loài về số lượng và chất lượng
- MT5: Bổ sung đánh giá tác động xã hội cho phương án xây dựng đường sắt tốc độ cao đến 2030 ảnh hưởng đến việc đi lại của phần lớn dân cư nông thôn so với lợi ích mang lại.

### **3.3. Về đánh giá, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp không thực hiện Quy hoạch (phương án 0)**

- Đã có đánh giá xu hướng của các vấn đề môi trường chính theo phương án 0 khi thực hiện các quy hoạch cấp quốc gia có liên quan (phát triển KTXH vùng, KCN, giao thông thủy bộ, ...); Xem lại đánh giá lượng nước thải tại các đô thị bằng 80% nước cấp (tr 193, hiện nay dung là 100%), 85% không được xử lý thải ra MT (tỉ lệ có nhà vệ sinh, ở khu chung cư cần được coi như đã xử lý sơ bộ).
- Bổ sung đánh giá việc suy giảm tài nguyên nước do việc khai thác nước mặt phục vụ sinh hoạt và các hoạt động phát triển KTXH từ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề hoặc ảnh hưởng của BĐKH, các tác động xuyên biên giới
- Nếu có thể nên đánh giá sâu hơn nguyên nhân của các vấn đề trên (do chưa có văn bản chính sách quy định cụ thể, có quy định nhưng do ý thức người dân chưa tốt hay do cơ sở hạ tầng/mạng lưới giám sát thực thi chưa đủ)
- - Bổ sung tác động tới các công trình, hoạt động văn hóa, tôn giáo (nếu có).
- Đã có đánh giá, dự báo tác động của biến đổi khí hậu đến từng vấn đề môi trường chính theo phương án 0 (mục 3.3.2.2), tuy nhiên nên đánh giá theo thứ tự các vấn đề MT 1-5 để tiện theo dõi; Chú ý đến việc sụt lún đất tại 2 đồng bằng lớn dẫn đến việc dự báo ảnh hưởng của BĐKH do nước biển dâng, xâm nhập mặn chưa chính xác. Rà soát lại các nội dung liên quan, các nội dung đánh giá cần thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu.
- Một số bản đồ minh họa quá bé không xem được các thông tin số liệu trên bản đồ.

### 3.4. Đánh giá, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp thực hiện Quy hoạch:

- Đã xác định được các họa động phát triển đề xuất các nguồn gây tác động khi thực hiện Quy hoạch (Bảng 3.6); Bổ sung thêm các hoạt động liên quan đến thủy lợi trong phát triển kết cấu hạ tầng vào bảng 3.6
- Không có bảng 3.7-3.8 trong báo cáo
- Đã xác định được các nguồn gây tác động khi thực hiện Quy hoạch (Bảng 3.10). Bảng 3.10 Nên thiết kế lại để bỏ bớt cột đầu tiên. nên bổ sung các hoạt động nhóm C2; phát triển du lịch có thể bổ sung vào Mục 2 trong nguồn gây tác động liên quan đến chất thải, bỏ ra khỏi mục 6 trong nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải, thêm DA du lịch vào mục 8.

Nên bổ sung đánh giá:

- Về trồng trọt: Nên bổ sung lượng nước hồi quy và dư lượng thuốc bảo vệ thực vật. Về nuôi trồng thủy sản (NTTS) chỉ đánh giá lượng chất thải hữu cơ là chưa đủ, cần bổ sung đánh giá lượng nước mặt và ngầm khai thác sử dụng, lượng nước ngầm bị khai thác và ô nhiễm mặn do NTTS nước lợ, và chất lượng nước đầu vào, tại các ao nuôi bị suy giảm...., Bổ sung lượng nước thải chăn nuôi
- Sinh hoạt: ở đô thị lượng nước thải bằng 100% lượng nước cấp, khi tính tải lượng chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt nên phân biệt tỉ lệ nước thải SH chưa qua xử lý và đã qua xử lý sơ bộ.
- Tại sao các đánh giá chỉ thực hiện đến 2030? Không thực hiện giai đoạn đến 2050?
- Làm rõ cơ sở đưa ra ý kiến lượng nước thải y tế không lớn và 90,5% đã qua xử lý (tr 284).
- Tác động xã hội: bổ sung đánh giá về khả năng thích ứng, phục hồi sinh kế với các hộ dân bị di dời, ảnh hưởng của các quy hoạch đến sinh hoạt/đi lại/cuộc sống hàng ngày (khu CN mới, tuyến đường cao tốc, đường sắt tốc độ cao).
- Làm rõ mức độ tác động theo cường độ và mức độ tác động theo không gian (tr313) sẽ được lồng ghép như thế nào trong bảng ma trận 3.44 (tr 314). Cơ sở/cách tính các điểm trọng số chưa được trình bày rõ, tổng trọng số sao lại khác 1?
- Bảng 3.47: tổng hợp xu hướng các vấn đề MT chính khi thực hiện QH, so sánh với phương án ): Khả năng có thể giảm thiểu còn chung chung “áp dụng các giải pháp quản lý/công nghệ hợp lý, hiệu quả”

3.5. Về đánh giá, dự báo tác động của Quy hoạch đến biến đổi khí hậu và ngược lại: cơ bản chấp nhận được; Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy và các vấn đề còn chưa chắc chắn của các dự báo: Báo cáo nêu khá rõ những vấn đề còn chưa chắc chắn, thiếu tin cậy trong ĐMC do thiếu thông tin dữ liệu;

## CHƯƠNG 4. GIẢI PHÁP DUY TRÌ XU HƯỚNG TÍCH CỰC, GIẢM THIỂU XU HƯỚNG TIÊU CỰC CỦA CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG CHÍNH

4.1. Về các giải pháp duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính

- Báo cáo ĐMC đã đề ra các giải pháp nhằm duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực do việc thực hiện Quy hoạch, dự kiến phương án tổ chức thực hiện, cơ quan chủ trì thực hiện và cơ quan phối hợp thực hiện đối với từng giải pháp.
- Về giải pháp về cơ chế, chính sách pháp luật: Cơ bản phù hợp và theo quy định pháp luật; Bổ sung các giải pháp BVMT liên tỉnh.

4.2. Định hướng về bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện Quy hoạch

- Về định hướng áp dụng công cụ quản lý môi trường của Quy hoạch: cơ bản phù hợp;
- Về định hướng phân vùng môi trường: Phân vùng môi trường là nội dung của QHTTQG, do vậy ĐMC nên tóm tắt lại các phương án để các vùng mà ĐMC thấy hợp lý và chỉ ra sự phù hợp.
- Về định hướng thực hiện đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư được đề xuất trong Quy hoạch: phù hợp về cách tiếp cận, tuy nhiên các vấn đề MT chưa được đề cập đầy đủ và chi tiết từng nhóm dự án. Ví dụ các tác động XH/sức khỏe, các tác động giai đoạn vận hành trong hầu hết các nhóm DA, chưa được đề cập. Ví dụ, với nhóm dự án giao thông/thủy lợi, vấn đề lớn là làm thay đổi cơ cấu sử dụng đất, thay đổi dòng chảy, khả năng thoát lũ, chia cắt cộng đồng...chưa được đề cập. Các cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão: tác động ô nhiễm nước do các hoạt động kinh doanh, kho bãi trên cảng, nước thải của tàu thuyền, khu sửa chữa tàu thuyền...

4.3. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong quá trình triển khai thực hiện Quy hoạch:

- Các nội dung giám sát, các thông số/chỉ thị giám sát về bảo vệ môi trường... theo các giai đoạn, lĩnh vực, địa điểm/trách nhiệm giám sát, tổ chức thực hiện, đã được Báo cáo ĐMC đề cập. Lưu ý bổ sung các chỉ tiêu giám sát sau ĐMC (bám sát các mục tiêu BVMT, các vấn đề môi trường chính đã được xác định);
- Đã nêu phương án phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong quá trình thực hiện;

## CHƯƠNG 5. THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC

- Báo cáo ĐMC đã thể hiện rõ yêu cầu, mục tiêu, nội dung tham vấn và đối tượng được lựa chọn tham vấn, hình thức tham vấn.
- Đã mô tả quá trình tham vấn, cách thức tham vấn, trong đó nêu rõ việc tham vấn được thực hiện ở những bước nào trong quá trình thực hiện ĐMC

- Đã nêu rõ kết quả tham vấn, tóm tắt các ý kiến và phản hồi của đơn vị lập ĐMC. Cần bổ sung các biên bản tham vấn và danh sách các chuyên gia/ các đối tượng được tham vấn vào Phụ lục.

#### KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

- Báo cáo ĐMC đã tổng hợp các vấn đề cần lưu ý về bảo vệ môi trường, kiến nghị phương hướng và giải pháp khắc phục, đơn vị tổ chức thực hiện và đưa ra kết luận chung về sự phù hợp của quan điểm, mục tiêu quy hoạch với quan điểm, mục tiêu, chính sách về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.
- Đã đưa ra kết luận chung về kết quả dự báo xu hướng tích cực và tiêu cực của các vấn đề môi trường chính khi thực hiện quy hoạch; giải pháp duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính.
- Về hiệu quả ĐMC, Báo cáo ĐMC đã tóm tắt các nội dung ĐMC đề xuất; Các nội dung của Quy hoạch đã được điều chỉnh, hoàn thiện; Các vấn đề còn chưa có sự thống nhất giữa yêu cầu phát triển và bảo vệ môi trường; Những vấn đề môi trường cần được tiếp tục nghiên cứu trong quá trình thực hiện Quy hoạch.

#### 7. Nhận xét và kết luận chung:

Báo cáo về cơ bản đáp ứng yêu cầu chung. Kính đề nghị Hội đồng thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung.

*Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2022*

**NGƯỜI VIẾT NHẬN XÉT**

*(ký và ghi rõ họ tên)*

**Vũ Hoàng Hoa**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN NHẬN XÉT**

**Về báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của  
Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050  
CỦA ỦY VIÊN PHẢN BIỆN**

1. Họ và tên người nhận xét: **Hoàng Văn Thắng**
2. Học hàm, học vị, chức vụ công tác: TS. NCVCC. Nguyên Viện trưởng Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Đơn vị công tác (*Tên cơ quan, địa chỉ, số điện thoại, Fax, E-mail*):  
Viện Tài Nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội.  
19 Lê Thánh Tông, Hà Nội. ĐT: 091 339 5735. Email: thangcresvnu@gmail.com
4. Tên quy hoạch:  
**Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

## 5. Nhận xét nội dung báo cáo đánh giá môi trường chiến lược

| TT | Nội dung thẩm định                                                                                                                           | Đánh giá theo 3 mức độ: (1) Đạt yêu cầu; (2) Có thể chấp nhận được; (3) Không đạt yêu cầu | Yêu cầu chi tiết phải chỉnh sửa, bổ sung<br>(Ghi rõ là “ <b>Không có ý kiến</b> ” trong trường hợp không có ý kiến)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Về cơ sở pháp lý được sử dụng để lập quy hoạch và thực hiện đánh giá môi trường chiến lược                                                   | 2                                                                                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cần bổ sung Luật đất đai 2013</li> <li>- Cần bổ sung Luật Đa dạng sinh học 2018</li> <li>- Cần bổ sung Luật Lâm nghiệp 2017</li> <li>- Cần bổ sung Luật Thủy sản 2017</li> <li>- Cần bổ sung Luật Du lịch 2017</li> <li>- Luật Di sản văn hóa 2013</li> <li>- Cần bổ sung Nghị định 66/2019/NĐ-CP về đất ngập nước.</li> <li>- Cần bổ sung Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021.</li> </ul> |
| 2  | Các phương pháp được sử dụng thực hiện đánh giá môi trường chiến lược (Bao gồm phương pháp sử dụng và cách sử dụng)                          | 1                                                                                         | Không có ý kiến                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 3  | Các quan điểm, mục tiêu, chủ trương, giải pháp về bảo vệ môi trường liên quan đến quy hoạch nêu trong báo cáo đánh giá môi trường chiến lược | 2                                                                                         | - ĐMC cần nghiên cứu và làm rõ lý do tại sao không chọn vấn đề ô nhiễm môi trường đất là một trong những vấn đề môi trường chính trong đánh giá môi trường chiến lược. Người đọc thấy cần bổ sung các giải pháp quản lý ô nhiễm môi trường đất.                                                                                                                                                                                           |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cần làm rõ quan điểm về tầm nhìn đến 2050 khi mà Chính phủ Việt Nam cam kết Zero phát thải khí nhà kính tại Cop 26 (đồng nghĩa với kinh tế xanh – Green economy).</li> <li>- Cần làm rõ quan điểm về phát triển/ sử dụng năng lượng sạch.</li> </ul>                                     |
| 3.1 | Quan điểm, mục tiêu, chủ trương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2 | - Cần nghiên cứu bổ sung “ô nhiễm môi trường đất” vào ĐMC.                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 3.2 | Giải pháp về bảo vệ môi trường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2 | - Bổ sung các giải pháp về quản lý ô nhiễm môi trường đất.                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 4   | Các vấn đề môi trường chính đã được dự báo, nhận dạng khi triển khai thực hiện quy hoạch (suy giảm chất lượng môi trường đất, nước, không khí; phát sinh chất thải rắn; thu hẹp không gian, thay đổi cấu trúc, chức năng của cảnh quan thiên nhiên; thu hẹp diện tích, thay đổi cấu trúc, chức năng, dịch vụ của các hệ sinh thái tự nhiên; thu hẹp sinh cảnh, suy giảm số lượng các loài nguy cấp, quý hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ (nếu có); ...) | 2 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cần bổ sung nội dung “Ô nhiễm đất”</li> <li>- Cần phân tích sâu hơn về phát thải của nhà máy thủy điện (CH4).</li> <li>- Cần phân tích sâu hơn về bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên (các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) cùng các dịch vụ hệ sinh thái của các khu vực này.</li> </ul> |
| 5   | Các đánh giá, dự báo xu hướng tích cực và tiêu cực của các vấn đề môi trường chính (chất lượng môi trường đất, nước, không khí; không gian, cấu trúc, chức năng của                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ bản đáp ứng yêu cầu, nhưng cần phân tích, dự báo thêm về tác động tiêu cực của các nhà máy điện (cả thủy điện, điện mặt trời và điện gió).</li> <li>- Bổ sung các đánh giá về vấn đề môi trường đất.</li> </ul>                                                                       |

|     |                                                                                                                                                                                   |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | cảnh thiên nhiên; diện tích, cấu trúc, chức năng, dịch vụ của các hệ sinh thái tự nhiên; sinh cảnh, số lượng các loài nguy cấp, quý hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ; (nếu có) ...) |   | - Rà soát và điều chỉnh các loài nguy cấp, quý hiếm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 6   | Các đánh giá, dự báo xu hướng tác động của biến đổi khí hậu trong việc thực hiện quy hoạch                                                                                        | 1 | Không có ý kiến                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 7   | Các giải pháp duy trì xu hướng tích cực, phòng ngừa, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính khi thực hiện Quy hoạch.                                        | 2 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cần quan tâm đến năng lượng sạch (năng lượng tái tạo) thay thế cho năng lượng hóa thạch và thủy điện hiện nay.</li> <li>- Cần quan tâm đến xu hướng tiêu cực của nhiệt điện và thủy điện.</li> <li>- Cần quan tâm đến xu hướng ô nhiễm môi trường đất và giải pháp quản lý môi trường không khí.</li> <li>- Chỉnh sửa cụm từ “Các khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng (Mục 3.4)” thành “Các khu vực cảnh quan quan trọng”.</li> </ul> |
| 8   | Các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của quy hoạch được đề xuất bổ sung, điều chỉnh; các vấn đề môi trường đã được nhận diện nhưng chưa được điều chỉnh trong quy hoạch   | 2 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải pháp quản lý ô nhiễm môi trường không khí.</li> <li>- Giải pháp quản lý ô nhiễm môi trường đất.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 8.1 | Các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của quy hoạch được đề xuất bổ sung, điều chỉnh                                                                                       | 2 | - Đề nghị thay cụm từ “Môi trường sinh thái được bảo vệ” ở Mục tiêu tổng quát bằng “Môi trường được bảo vệ, đa dạng sinh học được bảo tồn”.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |

|     |                                                                                                      |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 8.2 | Các vấn đề môi trường đã được nhận diện nhưng chưa được điều chỉnh trong quy hoạch                   | 2 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ sung nội dung ô nhiễm môi trường đất.</li> <li>- Bổ sung nội dung quản lý khí thải.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 9   | Những vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu, phân tích trong quá trình thực hiện chiến lược, quy hoạch | 2 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cần nghiên cứu và phân tích kỹ hơn về phát thải và tác động của các nhà máy điện (thủy điện, điện mặt trời và điện gió), đặc biệt là thủy điện.</li> <li>- Những tác động tiêu cực và giải pháp quản lý, xử lý ô nhiễm môi trường đất.</li> <li>- Cần nghiên cứu và phân tích sâu hơn về việc phát triển năng lượng sạch và bảo tồn, sử dụng bền vững các dịch vụ hệ sinh thái của các khu rừng đặc dụng, phòng hộ và các hệ sinh thái nông nghiệp khác.</li> </ul> |
| 10  | Tham vấn                                                                                             | 1 | Không có ý kiến                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |

## **6. Nhận xét về hình thức báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (nhận xét ngắn gọn theo trình tự các chương, mục của báo cáo):**

Báo cáo ĐMC của “Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050” được trình bày theo sát Nghị định số 40/2019/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Hình thức và cấu trúc báo cáo là phù hợp.

Báo cáo ĐMC được trình bày thành 8 nội dung, bao gồm phần Mở đầu và 5 Chương, Kết luận và kiến nghị và Tài liệu tham khảo, Phụ lục là phù hợp và chặt chẽ.

Các nội dung của báo cáo ĐMC đã được trình bày một cách kỹ càng và logic, phù hợp với quan điểm, mục tiêu, chính sách của Đảng, Nhà nước, Nghị quyết của Quốc hội về bảo vệ môi trường cũng như các nội dung của Quy hoạch tổng thể quốc gia. Báo cáo đã sử dụng tối đa các thông tin, dữ liệu và dự báo từ nhiều nguồn tin cậy để có tính toàn diện và đa chiều hơn. Vì vậy ĐMC của Dự án Quy hoạch tổng thể quốc gia có mức độ chi tiết và mức độ tin cậy chấp nhận được.

Người đọc xin có một số nhận xét chi tiết thêm một số vấn đề của Báo cáo ĐMC và những tác động của Quy hoạch tổng thể quốc gia đến môi trường như sau:

Chương 2. Phạm vi đánh giá môi trường chiến lược, thành phần môi trường, di sản thiên nhiên có khả năng bị tác động bởi quy hoạch.

Tại mục 2.2.1.4.1. Hiện trạng loài động, thực vật và nguồn gen. Cần bổ sung vào nội dung “Tình trạng các loài ngoại lai xâm hại” cây Mai dương (hay Trinh nữ đầm lầy) (*Mimosa pigra*) là loài xâm hại các khu bảo tồn đất ngập nước rất trầm trọng, ảnh hưởng lớn đến sinh cảnh (nơi sống) của các loài chim nước cũng như các loài thủy sinh khác.

Chương 3. Đánh giá tác động của quy hoạch đến môi trường.

Mục 3.1.1.2. Các luật, chiến lược, quy hoạch liên quan đến công tác bảo vệ môi trường. Cần bổ sung:

- Luật Thủy sản 2017;
- Luật đất đai 2013;
- Chiến lược bảo tồn đa dạng sinh học đến năm 2030.

Mục 3.1.2. Đánh giá sự phù hợp của quan điểm, mục tiêu Quy hoạch với quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường. Bảng 3.1. cần bổ sung các Chiến lược phát triển Lâm nghiệp, Chiến lược phát triển Thủy sản, Luật đất đai. Nên sửa cụm từ “môi trường sinh thái được bảo vệ” trong Mục tiêu tổng quát thành “môi trường được bảo vệ, đa dạng sinh học được bảo tồn”.

Mục 3.2. Các vấn đề môi trường chính. Bảng 3.2. Nhận diện các nguồn tác động chính và các vấn đề môi trường có thể tác động, cần bổ sung một số nội dung sau:

| <b>Các nguồn gây tác động</b>                                                                                                                           | <b>Các tác động lên môi trường</b>                            | <b>Các vấn đề môi trường</b>                                                                     |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Phát triển các đô thị lớn, khu dân cư tập trung (bao gồm mở rộng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật công trình cấp, thoát nước, thu gom xử lý chất thải rắn...) |                                                               | - Ô nhiễm nước ngầm                                                                              |
| Phát triển hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt.                                                                                                     | Phát sinh việc đào, xúc, khai thác tài nguyên đất             | - Gây xói lở, bồi lắng và thay đổi dòng chảy.                                                    |
| Phát triển hệ thống cảng và giao thông đường thủy                                                                                                       | Tác động đến hệ sinh thái ven bờ và hệ sinh thái biển         | Thay đổi thủy, hải văn                                                                           |
| Phát triển hệ thống giao thông hàng không                                                                                                               | Phát thải ra không khí                                        | - Ô nhiễm không khí và tiếng ồn<br>- Biến đổi khí hậu                                            |
| Chăn nuôi                                                                                                                                               |                                                               | - Ô nhiễm nguồn nước mặt và nước ngầm                                                            |
| Nuôi trồng thủy sản                                                                                                                                     | Tồn dư chất kháng sinh và thức ăn chăn nuôi                   |                                                                                                  |
| Giải phóng mặt bằng, tái định cư (Chuyển đổi mục đích sử dụng đất)                                                                                      | Tăng xói lở và bồi lắng dòng chảy                             |                                                                                                  |
| Các hoạt động từ các quốc gia lân cận:<br>- Khai thác nguồn lợi thủy, hải sản và tài nguyên thiên nhiên khác.                                           | Các tác động lên tài nguyên thiên nhiên và an ninh quốc phòng | - Suy giảm tài nguyên thiên nhiên, mất ĐDSH<br>- Các vấn đề an ninh môi trường phi truyền thống. |

Các vấn đề môi trường liên quan đến Quy hoạch: cần bổ sung “Gia tăng chất thải lỏng”.

Những vấn đề môi trường chính, bổ sung “Ô nhiễm môi trường đất”.

3.3.. Đánh giá, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp không thực hiện quy hoạch được trình bày logic và phù hợp. Tuy nhiên, nội dung này cần quan tâm đến phát thải CH<sub>4</sub> của thủy điện và CO<sub>x</sub> của nhiệt điện và ô nhiễm môi trường đất.

3.4. Đánh giá, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp thực hiện quy hoạch. Cần bổ sung nội dung tác động lên môi trường đất. Cần quan tâm đến việc phát thải khí Methan (CH<sub>4</sub>) của các nhà máy thủy điện. Bổ sung nội dung “Sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật” vào 3.4.1.1.2.2. Tác động của định hướng phát triển nông nghiệp. Bổ sung cụm từ “thay đổi chế độ thủy văn và dòng chảy” vào 3.4.1.1.2.3. Tác động của định hướng phát triển giao thông vận tải. Bảng 3.46. Bổ sung nội dung “Ô nhiễm đất”. Mục 3.5.2. Một số vấn đề còn chưa chắc chắn trong tính toán, dự báo. Bổ sung “Môi trường đất”.

Chương 4. Giải pháp duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính.

4.1.1. Các giải pháp về cơ chế, chính sách pháp luật và tổ chức quản lý:

- Rà soát, sửa đổi Luật đa dạng sinh học 2008. Luật này đã được hợp nhất vào năm 2018, vì thế cần được rà soát và cập nhật dựa trên văn bản hợp nhất này.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện các văn bản hướng dẫn Luật BVMT 2020. Hiện đã có các văn bản dưới luật như Nghị định 08 của Chính phủ và Thông tư 02 của Bộ Tài nguyên và MT hướng dẫn thực hiện luật này.
- Hiện nay một số Quy hoạch đang được triển khai thực hiện (song song) như Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia và Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia. Vì vậy cần “Tổ chức hoàn thiện và thực hiện....”.
- Bổ sung nội dung “Xây dựng cơ sở dữ liệu về môi trường quốc gia” (bao gồm cả mảng nâu: không khí, nước, đất... và mảng xanh (đa dạng sinh học, rừng và biển).
- Các giải pháp hạn chế suy giảm đa dạng sinh học. Bổ sung “Đất ngập nước” vào (i) Tác động của phát triển hệ thống giao thông vận tải đường bộ đối với rừng.

- Bổ sung nội dung Tác động của Quy hoạch lên vấn đề môi trường đất.

4.1.2. Các giải pháp về công nghệ, kỹ thuật.

- Bổ sung các nghiên cứu và triển khai “Điện rác”.
- Bổ sung hệ sinh thái đất ngập nước vào “Các giải pháp hạn chế suy giảm đa dạng sinh học”.
- Bổ sung các giải pháp công nghệ, kỹ thuật giảm ô nhiễm môi trường đất.

4. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong quá trình thực hiện quy hoạch.

- Bổ sung nghiên cứu, đánh giá tác động của Quy hoạch lên môi trường đất.

## 7. Những vấn đề cần lưu ý khi báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược:

### 7.1. Các nội dung của dự thảo quy hoạch đề xuất được điều chỉnh:

Bổ sung nội dung và giải pháp giảm nhẹ tác động của ô nhiễm môi trường đất. Bổ sung nội dung và giải pháp giảm nhẹ phát thải ra không khí của phát triển giao thông hàng không.

### 7.2. Các yêu cầu, nội dung bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai quy hoạch :

Các yêu cầu và nội dung bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai Quy hoạch là phù hợp, trong đó có việc làm ĐTM cho từng dự án phát triển cụ thể theo Luật bảo vệ môi trường và việc chú trọng đến nâng cao năng lực quản lý môi trường cho các cơ quan chức năng là thỏa đáng.

## 8. Những nhận xét khác

### 8.1. Về phương pháp áp dụng trong đánh giá môi trường chiến lược: *trong đó lưu ý đến tính thích hợp, mức độ đầy đủ của các phương pháp đã áp dụng*

Các phương pháp được áp dụng trong đánh giá môi trường chiến lược phù hợp và đáp ứng các kết quả của đánh giá và dự báo về tác động môi trường của Quy hoạch.

### 8.2. Về thông tin, số liệu làm cơ sở cho đánh giá môi trường chiến lược: *trong đó lưu ý đến mức độ đầy đủ, chi tiết, chính xác của các thông tin, số liệu có liên quan đến nội dung của quy hoạch, hiện trạng môi trường và các điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội có liên quan*

Các thông tin và số liệu cơ sở sử dụng để đánh giá môi trường chiến lược có độ tin cậy và phù hợp.

Tuy nhiên, cả trong Báo cáo tổng hợp cũng như trong Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đều chưa đề cập đến hoặc có rất ít thông tin về môi trường đất.

### 8.3. Về mức độ thỏa đáng của các đánh giá, kết luận nêu trong báo cáo:

Các kết quả đánh giá, kết luận nêu trong báo cáo ĐMC đã cơ bản đáp ứng các yêu cầu của báo cáo ĐMC trong quy hoạch như được quy định trong Luật bảo vệ môi trường tại Nghị định 40/2019/NĐ, ngày 13/5/2019 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, ngày 10/1/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

### 9. Kết luận: nêu rõ 01 trong 03 mức độ: thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung; thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung; không thông qua

Mặc dù có một số điểm còn hạn chế như đã được trình bày và phân tích ở trên, Báo cáo Đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 cơ bản đã đáp ứng được các nội dung của ĐMC theo quy định của Luật bảo vệ môi trường. Người đọc đề nghị **thông qua với điều kiện chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật** các văn bản pháp luật, nhận diện

các vấn đề môi trường, đặc biệt là nội dung “Môi trường đất”, chỉnh sửa câu cú, chính tả và lỗi kỹ thuật.

..

*Hà Nội, Ngày 24 tháng 8 năm 2022*

**NGƯỜI VIẾT NHẬN XÉT**  
*(ký, ghi rõ họ tên)*

A rectangular box containing a handwritten signature in black ink. The signature is written in a cursive style and appears to be 'Thắng'.

**TS. Hoàng Văn Thắng**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
**BẢN NHẬN XÉT**  
**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC**

1. Họ và tên người nhận xét: Phạm Khang
2. Học hàm, học vị, chức vụ công tác: TS, Ủy viên BCH Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam.
3. Nơi công tác: tên cơ quan, địa chỉ, số điện thoại, Fax, E-mail:
  - Cơ quan: Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam.
  - Địa chỉ cơ quan: tầng 8, Khách sạn Công đoàn, số 10, phố Trần Bình Trọng, Thành phố Hà Nội.
  - Địa chỉ liên hệ: Nhà số 18, Làng kiến trúc phong cảnh, ngõ 45A, phố Võng Thị, phường Bưởi, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.
  - Điện thoại: 0903268932.
  - E-mail: khang\_phamvn@yahoo.com.
4. Chức danh trong hội đồng: Ủy viên phản biện.
5. Tên Quy hoạch:

**QUY HOẠCH TỔNG THỂ QUỐC GIA**  
**THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 .**

**1. NHẬN XÉT CHUNG VỀ BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC**

- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) có các chương, mục đầy đủ đúng theo quy định tại mẫu số 01b, phụ lục II, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Báo cáo ĐMC được xây dựng công phu, tham khảo 47 tài liệu. Các phần nội dung của báo cáo ĐMC về cơ bản có chất lượng tương đối tốt với nhiều số liệu điều tra, thu thập từ các nguồn tin cậy.
- Báo cáo ĐMC được trình bày nghiêm túc, bảng biểu, hình, bản đồ, bản vẽ thể hiện rõ ràng đúng quy phạm.

**2. NHẬN XÉT VỀ NỘI DUNG TỪNG PHẦN CỦA BÁO CÁO ĐMC**

**2.1. Các phương pháp được sử dụng thực hiện ĐMC**

08 phương pháp ĐMC được trình bày tại trang 8 của Báo cáo ĐMC là phù hợp.

**2.2. Mối quan hệ của QH được đề xuất với các Chiến lược, quy hoạch**

Các chiến lược, quy hoạch có liên quan được liệt kê từ trang 16 đến trang 18 là tương đối đầy đủ và chuẩn xác.

### **2.3. Các quan điểm, mục tiêu, chủ trương, giải pháp về BVMT liên quan đến quy hoạch nêu trong Báo cáo ĐMC:**

#### **2.3.1. Mục tiêu BVMT**

- 06 mục tiêu về BVMT được đề cập tại trang 481 của Báo cáo tổng hợp quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Báo cáo tổng hợp QHTTQG) là hoàn toàn phù hợp với Chiến lược BVMT quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2022 (CLBVMT). Tuy nhiên, vấn đề BVMT còn liên quan chặt chẽ với quản lý chất thải và cấp nước sạch, do vậy, cần xem xét để xác định thêm các mục tiêu gồm:

- + Mục tiêu về thu gom, xử lý chất thải rắn đô thị và nông thôn;
- + Mục tiêu về thu gom, xử lý chất thải y tế.
- + Mục tiêu về cung cấp nước sạch cho khu vực đô thị và nông thôn;

Ngoài ra, biến đổi khí hậu (BĐKH) đã và đang có biểu hiện ngày càng cực đoan ảnh hưởng tiêu cực đến mục tiêu phát triển KT-XH và BVMT. Chính vì lẽ đó, giảm phát thải khí nhà kính (KNK) đang và sẽ là mục tiêu mang tính chiến lược đối với thế giới trong đó có Việt Nam. Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2021 đã xác định mục tiêu về cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP giảm ít nhất 15% đến năm 2030 và 30% đến năm 2050 so với năm 2014. Hơn thế nữa, tại Hội nghị lần thứ 26 của Liên hợp quốc về BĐKH (COP26), Chính phủ VN đã cam kết đưa phát thải ròng về “0”. Do vậy, kiến nghị ban soạn thảo Quy hoạch tổng thể Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (QHTTQG) nên xem xét để xây dựng mục tiêu về phát thải KNK đến năm 2030.

- Các mục tiêu về BVMT trình bày trong báo cáo ĐMC còn tản mạn, không cụ thể và chưa phù hợp với mục tiêu BVMT nêu trong Báo cáo tổng hợp QHTTQG cụ thể như sau:

+ Như thể hiện tại trang 24 của Báo cáo ĐMC, “Tỷ lệ xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật trên 70%” là thiếu cụ thể vì không rõ nước thải từ khu vực đô thị hay nông thôn. Ngoài ra, tỷ lệ này là không phù hợp với mục tiêu của CL BVMT và tại Báo cáo tổng hợp QHTTQG.

+ Tỷ lệ chất thải rắn được chôn lấp dưới 30% là không phù hợp với mục tiêu này của CLBVMT và nêu tại Báo cáo tổng hợp QHTTQG là 10%.

+ Tỷ lệ chất thải nguy hại được tiêu hủy, xử lý đạt 98%. Tuy nhiên, CL BVMT và tại Báo cáo tổng hợp QHTTQG không có “tiêu hủy” mà chỉ là thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Các mục tiêu về BVMT là những chỉ tiêu rất quan trọng để đánh giá tính bền vững nói chung, hiệu quả BVMT của QHTTQG nói riêng, do vậy, Báo cáo ĐMC cần phải chỉnh sửa lại để có một phần riêng biệt trình bày đầy đủ các mục tiêu về BVMT phù hợp với Báo cáo tổng hợp QHTTQG.

### *2.3.2. Các định hướng và giải pháp về BVMT*

Định hướng BVMT được trình bày tại trang 483 của Báo cáo tổng hợp QHTTQG và tại trang 50 của Báo cáo ĐMC đã đề cập tới phân vùng môi trường gồm: Vùng bảo vệ nghiêm ngặt; vùng hạn chế phát thải; và vùng khác là phù hợp với quy định tại Điều 22 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, tuy nhiên, có một vài ý kiến đề xem xét, cân nhắc như sau:

- Các vùng bảo vệ nghiêm ngặt được nêu đối với di sản, cảnh quan thiên nhiên, môi trường và hệ sinh thái. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 22 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP đối tượng cần được bảo vệ nghiêm ngặt có tính chiến lược cần được đề cập tới là bảo vệ các nguồn nước mặt (sông, hồ) quan trọng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

- Các vùng hạn chế phát thải được trình bày tại trang 483 của Báo cáo tổng hợp QHTTQG và tại trang 52 của Báo cáo ĐMC mới chỉ đề cập tới biện pháp quản lý mà chưa đề cập tới các đối tượng tự nhiên, KT-XH thuộc vùng hạn chế phát thải. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 3 Điều 22 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, những đối tượng thuộc vùng hạn chế phát thải cần được đề cập tới còn có các vùng đất ngập nước quan trọng, hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt cần được đề cập tới.

### **2.4. Phạm vi không gian và phạm vi thời gian của ĐMC**

Phạm vi không gian và thời gian của ĐMC nêu tại trang 85, 87 của Báo cáo ĐMC là hoàn toàn phù hợp.

### **2.5. Thành phần môi trường, di sản thiên nhiên, điều kiện về KT-XH khu vực có khả năng bị tác động của quy hoạch**

Phần nội dung này được trình bày trong 50 trang (trang 87 - 137) đã phản ánh khá toàn diện với nhiều số liệu định lượng về hiện trạng các thành phần môi trường (không khí, nước, đất), di sản thiên nhiên, di tích lịch sử-văn hóa, danh lam thắng cảnh, tài nguyên sinh vật hệ sinh thái tự nhiên. Đánh giá chung, đây là phần nội dung có chất lượng tốt với nhiều số liệu rõ về thời gian và có nguồn gốc tin cậy.

Tuy nhiên, đối với phần nội dung phản ánh về chất lượng thành phần môi trường có một vài nhận xét như sau:

- Môi trường đất (trang 87): đề cập tới ô nhiễm đất bởi kim loại nặng ở vùng ven đô thị, vùng tập trung sản xuất công nghiệp, khai khoáng và hoạt động nông nghiệp. Tuy nhiên, một vấn đề môi trường quan trọng đối với đất nên được đề cập tới đó là suy giảm độ phì của đất và suy giảm số lượng đất đang có xu hướng ngày một gia tăng đặc biệt ở khu vực miền núi phía Bắc và Đồng bằng sông Cửu Long.

- Môi trường nước (trang 92): đối tượng được phản ánh gồm nước mặt, nước dưới đất, nước biển ven bờ là đầy đủ, tuy nhiên, nội dung phản ánh về chất lượng nước còn có một số hạn chế cụ thể như sau:

+ Chất lượng môi trường nước được đánh giá theo các thông số không như nhau, như chất lượng nước sông được phản ánh qua thông số TSS và Amoni, tuy nhiên, chất lượng nước dưới đất lại là kim loại nặng, amoni và nước biển là phosphat, nitrit, nitrat. Trên thực tế, các thông số ô nhiễm này đều có trong nước mặt, nước dưới đất và nước biển ven bờ.

+ Các thông số ô nhiễm phản ánh về chất lượng nước như nêu trên là còn hạn chế. Bởi lẽ, ô nhiễm hữu cơ và dinh dưỡng là những tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng nước thông qua các thông số như BOD<sub>5</sub>, COD, tổng N, tổng P, tuy nhiên, chưa được đề cập tới.

- Môi trường không khí (trang 97): chất lượng môi trường không khí được phản ánh qua các thông số về bụi và các loại khí như SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, tuy nhiên, mới chỉ có số liệu về bụi PM<sub>10</sub>, PM<sub>2.5</sub>.

## **2.6. Đánh giá sự phù hợp của quan điểm, mục tiêu Quy hoạch với quan điểm, mục tiêu, chính sách BVMT**

- Các văn bản của Đảng và Nhà nước có liên quan đến công tác BVMT được liệt kê là tương đối đầy đủ và phù hợp.

- Nội dung đánh giá mức độ phù hợp, không phù hợp được phân tích trong sự đối chiếu với từng văn bản quan trọng với quan điểm, mục tiêu của QHTTQG thể hiện một cách tóm lược tại Bảng 3.1 là rõ ràng và trực quan. Tuy nhiên, nội dung đánh giá mới chỉ đối với các quan điểm, mục tiêu chung, do vậy, nên có thêm nội dung phân tích, đánh giá sự phù hợp/chưa phù hợp của các mục tiêu BVMT được xác định trong QHTTQG.

## **2.7. Các vấn đề môi trường chính**

- 03 chỉ tiêu lựa chọn các vấn đề môi trường chính là phù hợp. Quá trình lựa chọn 5 vấn đề môi trường chính (VĐMCT) từ 12 vấn đề môi trường đã xác định dựa trên kết quả thảo luận tại các hội thảo và tham vấn ý kiến chuyên gia là phù hợp và tin cậy.

- 05 VĐMTC được xác định là tương đối phù hợp, tuy nhiên, chúng tôi cho rằng tên gọi của VĐMTC1 “Ô nhiễm môi trường không khí”, VĐMTC3 “Suy giảm và ô nhiễm nguồn nước” và VĐMTC3 “Suy giảm đa dạng sinh học” là chưa phản ánh đúng bản chất.

Trên cơ sở nội dung trình bày tóm tắt cơ sở lựa chọn nêu tại Bảng 3.3 và nội dung trình bày về xu hướng các VĐMTC khi không thực hiện Quy hoạch (phương án 0), chúng tôi nhận thấy môi trường không khí không chỉ có biểu hiện bị ô nhiễm cục bộ (vượt QCVN) mà chất lượng không khí, đặc biệt tại các khu vực đô thị, khu vực phát triển công nghiệp có biểu hiện suy giảm tuy vẫn nằm trong giá trị cho phép của QCVN. Đối với môi trường nước, ngoài chất lượng nước có biểu

hiện suy thoái, số lượng nước có biểu hiện suy giảm khá rõ ở nhiều khu vực. Đối với đa dạng sinh học cũng được đánh giá không chỉ có biểu hiện suy thoái các hệ sinh thái trọng yếu mà còn có biểu hiện suy giảm thông qua diện tích rừng tự nhiên trong giai đoạn 2016-2020 trung bình mỗi năm mất đi tới 2.430ha.

Ngoài ra, căn cứ theo giải thích từ ngữ tại khoản 13 Điều 3 Luật BVMT năm 2020, “suy thoái môi trường” là cụm từ phản ánh sự suy giảm về chất lượng, số lượng của thành phần môi trường, do vậy, chúng tôi kiến nghị:

+ VĐMTC1 “Ô nhiễm môi trường không khí” nên được điều chỉnh thành “Suy thoái, ô nhiễm môi trường không khí”;

+ VĐMTC3 “Suy giảm và ô nhiễm nguồn nước” nên được điều chỉnh thành “Suy thoái, ô nhiễm môi trường không khí”.

+ VĐMTC4 “Suy giảm đa dạng sinh học” nên được điều chỉnh thành “Suy thoái HST tự nhiên và đa dạng sinh học”.

Ngoài ra, VĐMTC5 “Tác động xã hội” không phải là vấn đề môi trường, hơn thế nữa, vấn đề môi trường xã hội không được điều chỉnh bởi Luật BVMT năm 2020, do vậy, cần cân nhắc có nên đưa vào báo cáo ĐMC này không.

## **2.8. Đánh giá, dự báo xu hướng của các VĐMTC trong trường hợp không thực hiện QH (phương án 0)**

Phần nội dung này được thể hiện trong 20 trang (trang 182 - 202) đã phân tích những tác động tích cực và tác động tiêu cực để làm rõ xu hướng môi trường theo 5 VĐMTC là phù hợp. Tuy nhiên, xu hướng gia tăng ô nhiễm môi trường không khí, suy giảm và ô nhiễm nguồn nước được trình bày mới chỉ thông quan nhận định định tính, thiếu số liệu minh chứng, nên sức thuyết phục chưa cao.

Ngoài ra, như trình bày tại Bảng 3.4 cho thấy trong giai đoạn từ năm 2016 đến 2020, tỷ lệ các KCN, CCN có hệ thống xử lý đạt tiêu chuẩn và nước thải sinh hoạt đô thị được xử lý đã tăng liên tục. Đây là một trong những yếu tố quan trọng góp phần làm cho xu hướng của vấn đề “suy giảm và ô nhiễm nguồn nước” diễn biến theo chiều hướng tích cực. Do vậy, chúng tôi cho rằng diễn biến tích cực của các VĐMTC cũng nên được đề cập tới ở mức độ tương xứng.

## **2.9. Đánh giá, dự báo xu hướng của các VĐMTC trong trường hợp thực hiện QH**

- Đánh giá tác động của QHTTQG đến môi trường (trang 216):

+ Tác động của QHTTQG được tiếp cận thông qua tác động của các quy hoạch thành phần là phù hợp, tuy nhiên, có một vài nhận xét như sau:

++ Các tác động tích cực được trình bày thành một phần riêng từ trang 233 đến 238. Ngoài ra, các tác động tích cực còn được đề cập tới ở những phần nội dung trình bày về tác động môi trường của các ngành công nghiệp, năng lượng, khai khoáng, nông nghiệp, giao thông vận tải, phát triển đô thị, du lịch. Tuy nhiên, nội dung trình bày chủ yếu là về phương hướng phát triển của các ngành, song tác

động tích cực của việc triển khai thực hiện QHTTQG đến môi trường mới chỉ ở mức độ nhận định chung chung.

++ Các tác động tiêu cực đến môi trường được trình bày khá chi tiết, cụ thể theo các ngành được minh chứng bằng nhiều số liệu định lượng. Phương pháp để dự báo khối lượng chất thải rắn, nước thải chủ yếu được dựa trên các hệ số phát thải là phù hợp. Tuy nhiên, để đảm bảo độ tin cậy của số liệu, chỉ nên sử dụng các hệ số phát thải được ban hành như TCVN, QCVN hoặc từ các tài liệu, công trình nghiên cứu có tính chính thống.

- Dự báo xu hướng tích cực, tiêu cực của các VĐMTC (trang 310):

+ Tác động tổng hợp lên các VĐMTC (trang 313):

Một khái niệm cần được phân biệt rõ đó là việc triển khai thực hiện QH nói chung, QHTTQG nói riêng sẽ có tiềm năng tác động lên các thành phần môi trường và hậu quả của các tác động này là ảnh hưởng tích cực/tiêu cực lên xu hướng các VĐMTC của khu vực. Do vậy, tiêu đề này cần phải được thay đổi cho phù hợp.

+ Việc đánh giá mức độ tác động bằng phương pháp ma trận định lượng như thể hiện tại Bảng 3.44 là có cơ sở tin cậy. Tuy nhiên, để phù hợp nên điều chỉnh kết quả này theo hướng xác định mức độ ảnh hưởng theo hướng tích cực (+) và tiêu cực (-) đối với 5 VĐMTC.

+ Dự báo xu hướng các VĐMTC (trang 322):

Nội dung dự báo xu hướng tiêu cực được thực hiện theo 05 VĐMTC đã được xác lập là phù hợp (tuy nhiên, nên điều chỉnh lại các VĐMTC đã nêu ở trên), phần nội dung này đã làm rõ xu hướng tiêu cực của các VĐMTC. Chúng tôi cho rằng các nhận định về xu hướng tiêu cực của các VĐMTC được trình bày là hoàn toàn đúng, tuy nhiên, tiếp cận cho những dự báo xu hướng này mới chỉ một chiều đó là từ nội dung phát triển của các ngành. Bởi lẽ, với những quan điểm, các định hướng phát triển, định hướng phân bố không gian đối với các ngành, các vùng, các mục tiêu đặc biệt là mục tiêu BVMT và định hướng BVMT... đã được xác định trong QHTTQG đã được cân nhắc, nghiên cứu một cách thấu đáo, chắc chắn sẽ là yếu tố quan trọng hạn chế về mức độ, phạm vi các tác động tiêu cực đồng thời làm gia tăng các tác động tích cực lên môi trường khu vực. Những tác động tích cực này về nguyên tắc sẽ ảnh hưởng tích cực lên xu hướng của các VĐMTC, do vậy, cần được phản ánh một cách đậm nét hơn trong phần nội dung này.

## **2.10. Đánh giá, dự báo tác động của Quy hoạch đến BĐKH và ngược lại.**

- Tác động của Quy hoạch đến BĐKH (trang 340):

Trên cơ sở các kịch bản phát triển của các ngành đã tính được lượng phát thải KNK (CO<sub>2</sub>) theo từng năm của giai đoạn 2020-2050. Đây là phần nội dung được thực hiện công phu, các số liệu tính toán có cơ sở tin cậy. Tuy nhiên, cần bổ sung đánh giá tác động của việc phát sinh KNK đến mục tiêu về phát thải KNK đã được xác định tại Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-

2030, tầm nhìn đến năm 2050 và đặc biệt là đối với cam kết đưa phát thải ròng về “0” của VN tại Hội nghị lần thứ 26 của Liên hợp quốc về BĐKH.

- Tác động của BĐKH đối với QH (trang 368):

+ Việc đánh giá tác động của BĐKH lên QHTTQG theo kịch bản BĐKH cập nhật năm 2020 là phù hợp, tuy nhiên, nội dung của kịch bản này trình bày tới 12 trang là quá dài, nên được tóm gọn lại.

+ Tác động của BĐKH lên QHTTQG đã được phản ánh qua tác động đối với các ngành nông nghiệp, công nghiệp, thủy lợi và thương mại dịch vụ. Tuy nhiên, theo chúng tôi BĐKH còn có tiềm năng tác động mạnh đến các ngành lĩnh vực khác đã được xác định trong QHTTQG như giao thông vận tải (phát triển hệ thống giao thông đường bộ), phát triển đô thị, hệ thống công trình phòng chống thiên...do vậy, nên bổ sung.

#### **2.11. Giải pháp duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các VĐMTC**

- Các giải pháp duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các VĐMTC được đề cập gồm: các giải pháp về cơ chế, chính sách, giải pháp về công nghệ - kỹ thuật, giải pháp ứng phó với BĐKH là toàn diện, phù hợp và có tính khả thi. Việc phân công trách nhiệm thực hiện đối với các bộ ngành đã được thể hiện rõ tại các Bảng 4.1, 4.2 là phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, ngành, địa phương.

- Định hướng thực hiện ĐTM (trang 413):

Các vấn đề môi trường cần quan tâm trong thực hiện ĐTM theo các lĩnh vực phát triển được thể tại Bảng 4.2 là chấp nhận được. Tuy nhiên, những vấn đề phát triển hạ tầng GTVT ngoài làm mất rừng, ô nhiễm môi trường không khí, phát sinh CTR còn là gây nên những tác động rất nghiêm trọng đó là tác động đến cảnh quan, chia cắt cộng đồng, chia cắt HST cần được quan tâm.

Ngoài ra, theo quy định tại Phụ lục 1b của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, phần nội dung này phải “chỉ ra những vấn đề môi trường cần tập trung đánh giá, nhóm đối tượng có khả năng bị tác động và dự báo khu vực bị tác động”. Tuy nhiên, nội dung dự báo về khu vực bị tác động chưa được đề cập tới.

#### **2.12. Kết quả của ĐMC**

07 kiến nghị được nhóm ĐTM đề xuất là hoàn toàn cần thiết và đúng đắn. 5 kiến nghị đã được chấp thuận và đưa vào QHTTQG, tuy nhiên, có 2 đề xuất chưa được tiếp thu đưa vào QHTTQG cần được làm rõ lý do.

#### **2.13. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong quá trình thực hiện QH**

06 nghiên cứu được đề xuất là cần thiết và có tính cấp bách.

**Kết luận:**

Đồng ý thông qua với điều kiện báo cáo ĐMC được chỉnh sửa, bổ sung theo nhận xét nêu trên và kết luận của Hội đồng thẩm định.

*Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2022.*

**NGƯỜI VIẾT NHẬN XÉT**

(ký, ghi họ tên)

**TS. Phạm Khang**